TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC A - QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 101/2026/QĐST-HNGĐ	*Quảng Ninh, ngày 23 tháng 4 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC A - QUẢNG NINH

Căn cứ vào khoản 2 Điều 29, Điều 149 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý, thu và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 111/2026/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2026 về việc: "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thoả thuận nuôi con khi ly hôn" gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: anh Nguyễn Th Ph, sinh năm: 1984 và chị Nguyễn T X, sinh năm: 1984; cùng nơi cư trú: tổ 4, khu C, phường O, tỉnh Quảng Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Việc thuận tình ly hôn, thoả thuận nuôi con giữa anh Nguyễn Th Ph và chị Nguyễn T X thể hiện trong Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành do Toà án nhân dân khu vực A - Quảng Ninh lập ngày 15 tháng 4 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

[2] Do anh Nguyễn Th Ph và chị Nguyễn T X cùng khẳng định tài sản chung tự thoả thuận và vay, nợ chung không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

[3] Về lệ phí Toà án: anh Nguyễn Th Phg và chị Nguyễn T X thoả thuận chị Nguyễn T X là người chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định pháp luật;

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: anh Nguyễn Th Ph và chị Nguyễn T X cùng thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về con chung: anh Nguyễn Th Ph và chị Nguyễn T X có 03 con chung là Nguyễn M T, sinh ngày 07/02/2011; Nguyễn T M A, sinh ngày 15/10/2013 và Nguyễn M Kh, sinh ngày 30/5/2015. Khi ly hôn, chị Nguyễn T X được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả ba con chung cho đến khi mỗi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Nguyễn Th Ph cấp dưỡng cho con chung Ng M T mức 1.000.000đ (một triệu đồng)/tháng; Nguyễn T M A và Nguyễn M Kh mỗi con chung mức 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng)/tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 05/2026 cho đến khi mỗi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Nguyễn Th Ph có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- Về tài sản chung: anh Nguyễn Th Ph và chị Nguyễn T X tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết. Vay, nợ chung: không có.

- Về các vấn đề khác: không.

2. Về lệ phí Toà án: chị Nguyễn T X tự nguyện nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí Toà án chị X đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0001351 ngày 31/3/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh. Chị X đã nộp xong.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND khu vực A - Quảng Ninh;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực A - Quảng Ninh;
- UBND phường O, tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Lưu Minh Đoàn